

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 22/06/2024 - TRÌNH ĐỘ HSKKSC

PHÒNG THI: 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H72405850200000146	NGUYEN CONG NGHIA	男	1998-09-07	079098031428	IE 4.13	
2	H72405850200000147	NGUYEN THI NGOC YEN	女	2001-04-19	083301006469	IE 4.13	
3	H72405850200000148	LE DOAN DAN LINH	女	1996-03-22	096196000537	IE 4.13	
4	H72405850200000149	VU THI HUONG LAN	女	2002-02-10	036302012712	IE 4.13	
5	H72405850200000150	HOANG THI PHUONG LIEN	女	1996-12-27	035196009287	IE 4.13	
6	H72405850200000151	NGHIEM SAO MAI	女	2002-01-11	001302001729	IE 4.13	
7	H72405850200000152	TRAN DO	男	1989-08-30	019089003392	IE 4.13	
8	H72405850200000153	DO THI BICH NGUYET	女	2002-07-09	033302003242	IE 4.13	
9	H72405850200000154	LAI QUOC VINH	男	2006-12-26	022206011014	IE 4.13	
10	H72405850200000155	LAI PHUONG THAO	女	2006-07-31	022306007215	IE 4.13	
11	H72405850200000156	VU THU AN	女	2006-11-11	022306004383	IE 4.13	
12	H72405850200000157	NGUYEN PHUONG NGOC	女	2006-09-27	027306000060	IE 4.13	
13	H72405850200000158	NGUYEN DON PHU BINH	男	2006-06-15	022206005824	IE 4.13	
14	H72405850200000159	NGUYEN CAM TU	女	2006-04-07	022306007910	IE 4.13	
15	H72405850200000160	LE NGOC PHUONG LINH	女	2006-11-18	022306012347	IE 4.13	
16	H72405850200000161	PHAM THANH DAT	男	2005-03-06	022205001914	IE 4.13	
17	H72405850200000162	NGUYEN THI DIEN	女	2000-10-07	040300025048	IE 4.13	
18	H72405850200000163	DUONG THI NGOC	女	2002-07-21	020302005193	IE 4.13	
19	H72405850200000164	NGUYEN THI BICH NGOC	女	2003-08-14	024303003271	IE 4.13	
20	H72405850200000165	BUI THI THANH HAO	女	2002-07-11	033302005454	IE 4.13	
21	H72405850200000166	NGUYEN VU CHAU GIANG	女	2009-04-03	012309004529	IE 4.13	
22	H72405850200000167	NGUYEN THI NGAN	女	1993-03-27	022193013580	IE 4.13	
23	H72405850200000168	NGUYEN THU HUYEN	女	1997-10-24	024197002720	IE 4.13	
24	H72405850200000169	NGUYEN THI HONG NHUNG	女	2002-03-18	001302035210	IE 4.13	
25	H72405850200000170	NGUYEN KIM ANH	女	2000-06-20	036300003715	IE 4.13	
26	H72405850200000171	LE VAN VIET	男	2004-01-29	001204009568	IE 4.13	
27	H72405850200000172	NGUYEN THI HAI ANH	女	1998-12-09	033198006627	IE 4.13	
28	H72405850200000173	TA THI HONG NHUNG	女	2000-02-14	019300004198	IE 4.13	
29	H72405850200000174	NGUYEN THI HIEN	女	1995-10-02	019195006031	IE 4.13	
30	H72405850200000175	TA QUANG ANH	男	2002-09-08	001202003192	IE 4.13	
31	H72405850200000176	LE THI QUYNH TRANG	女	2007-09-13	024307005703	IE 4.13	
32	H72405850200000177	TRIEU LAN ANH	女	2001-11-16	020301006841	IE 4.13	
33	H72405850200000178	NGUYEN THI HONG THO	女	2002-11-03	025302007140	IE 4.13	
34	H72405850200000179	NGUYEN THI THANH HOA	女	1996-06-24	022196000673	IE 4.13	
35	H72405850200000180	TRAN LUU LY	女	2003-12-11	026303004018	IE 4.13	
36	H72405850200000181	TRIEU KIM TRUONG	男	2000-01-12	017200004935	IE 4.13	
37	H72405850200000182	NGO THI THU TRANG	女	2005-08-04	001305022975	IE 4.13	

Ấn định danh sách có 37 thí sinh.